

Từ Thực Dân Đến Cộng Sản

Một kinh nghiệm lịch sử của Việt Nam

Hoàng Văn Chí

Chương 16: Chống đối chế độ

“Muốn chữa một tình trạng bất công thì phải vượt qua giới hạn của công bằng.”
Mao Trạch Đông (“Báo cáo về vụ nông dân bạo động tại Hồ Nam”)

Nông dân khởi loạn

Lẽ dĩ nhiên là các “đảng viên mới” không lấy làm hài lòng lắm khi thấy các “đảng viên cũ” ra khỏi trại giam và được khôi phục công quyền và đảng tịch. Họ thấy họ bị “mất mặt” và uy quyền của họ sẽ bị tiêu tan. Nỗi lo âu của họ đã được cơ quan chính thức của đảng mô tả như sau:

“Hiện tượng phổ biến là trên tư tưởng các đồng chí (mới) đó ngại thấy đảng viên, cán bộ, đồng chí (cũ) bị xử trí oan được trả lại tự do về sẽ “vào bè” công kích đảng viên mới và cốt cán. Có đồng chí (mới) lo có những cuộc ẩu đả, trả thù... Có đồng chí (mới) lo không biết cách đối xử với các đồng chí (cũ) bị xử oan ra sao, ngưng ngưng vì đã tố cáo đồng chí (cũ) ấy, bây giờ niềm nở với nhau thế nào được... Do nhận thức lệch lạc trên đã dẫn đến một số hành động sai lầm như: Cuộc họp bàn đón rước các đồng chí (cũ) được trả tự do đã biến thành cuộc thảo luận để đối phó với các đồng chí (cũ) đó.”
(Nhân dân ngày 22 tháng 11 năm 1956)

Vì lo quá nên tại nhiều nơi “đảng viên mới” thấy giản tiện nhất là “thịt” các “đảng viên cũ” ngay khi họ mới trở về làng. Vụ giết người sau đây, xử tại toà án khu Ba chứng tỏ tình trạng nổi loạn kể trên.

Giết người có vũ khí

Vụ này gây cho hội trường một không khí căng thẳng và rất thương tâm. Hình ảnh gia đình nạn nhân với một bà mẹ già 72 tuổi, người vợ trẻ mới đẻ được 3 ngày, 9 người con còn nhỏ và nạn nhân chết một cách ghê rợn lớn vờn trong trí óc những người dự phiên toà. Mười hai can phạm đều là những thanh niên khỏe mạnh từ 18 đến 24 tuổi.

Ông Vũ Văn Tiệm người thôn Phú Nông, xã Lô Giang huyện Tiên Hưng, nguyên chủ tịch uỷ ban Hành chính xã Lô Giang. Trong thời gian cải cách ruộng đất ông Tiệm bị quy nhầm là địa chủ gian ác. Khi Sửa sai bước 1, ông Tiệm được xuống thành phần trung nông và ngày sau khi được trả tự do, ông Tiệm bị giết chết. Vũ Văn Hiến tức Tiến 22 tuổi, chi uỷ viên kiêm chính trị viên xã đội đồng mưu với Vũ Văn Thung, Vũ Văn Đức công an phó, Vũ Văn Tư xóm đội, và cùng với Hồ, Xuyên, Soạn, Thiệp, Xế, Thát, Đán, Thư đều là quân dân du kích, đã giết chết ông Tiệm.

Sau khi ông Tiệm người được trả tự do, Hiến liền tập hợp mọi người tại nhà Thung định mưu giết. Hai lần họ đã bố trí sẵn sàng nhưng không gặp. 10 giờ đêm ngày 28/1/57, Hiến cấp tốc tập trung anh em du kích rồi chia nhau bố trí. Khi ông Tiệm về qua bến một phát súng trường. Ông Tiệm ngã xấp xuống. Đoạn cả bốn xông ra chém, rồi Xuyên bắn luôn 6 phát súng tiểu liên nữa... Sau khi hành sự họ rất bình tĩnh. Hiến ra lệnh cho mọi người trở về chỗ bố trí cũ, nếu thân nhân ông Tiệm ra sẽ giết luôn...

(Thời mới, 14/03/1957)

Vụ “đảng viên mới” giết “đảng viên cũ” kể trên chỉ là một trong vô số vụ khác mà báo chí Hà Nội hồi đó đã nêu lên. Vụ này chứng tỏ một cách minh bạch rằng những bản cổ nông, sau khi đã lên chức “đồng chí” không muốn rút bỏ uy quyền mà ba năm trước Đảng đã “phóng tay” trao cho. Sau nhiều vụ giết tróc, các đảng viên mới phải tìm cách tự vệ, và trong nhiều trường hợp cương quyết trả thù. Vì được phục hồi công quyền và đảng tịch và được dân làng có cảm tình, họ lúng bấn những kẻ đã tố oan cho họ và hễ trước kia đã tố cho họ tội ác gì thì bây giờ họ thi hành đúng tội ác ấy. Những kẻ trước kia bịa ra tội ác bây giờ được “hưởng” chính tội ác mình đã bịa ra. Trường hợp thông thường là nhét phân vào mồm những người tố điều. Sở dĩ có chuyện bắt ăn phân là tại hồi đầu tố Đảng xúi giục bản cổ nông khai rằng họ đã bị địa chủ nhét phân vào mồm. Nhiều người bị đánh chết giữa đám đồng và một số khác bị rạch mồm, cắt lưỡi. Dân Việt Nam thường cho rằng

những kẻ chuyên vu oan giá hoạ thì rạch mồm cắt lưỡi là hình phạt xứng đáng nhất. Trong các chùa chiền thường có tranh vẽ cảnh những người nói điều trên trần gian chết xuống âm phủ bị quỷ sứ rạch mồm cắt lưỡi. Tình trạng trả thù trả oán trầm trọng đến nỗi ngày 1 tháng 12 năm 1956 Bộ Tư pháp phải công bố một bản Thông tư đặc biệt kêu gọi đình chỉ mọi cuộc chém giết. Thông tư do Nguyễn Văn Hưởng, thứ trưởng Bộ Tư pháp ký. Trong bản Thông tư có một đoạn ai oán thiết tha như sau:

“Quyền lợi của nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân, quyền lợi thiết thân của nhân dân như các quyền tự do, dân chủ, v.v. đã bị xâm phạm, nhiều khi một cách nặng nề. Có nơi pháp luật đã không được tôn trọng, có nơi pháp luật bị chà đạp. Những hiện tượng đó đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân, đến uy tín của chính phủ...”

(Cửu quốc ngày 2 tháng 12 năm 1956)

Để tự bào chữa trước dư luận quần chúng, các “đảng viên mới” đổ hết mọi tội lỗi cho Đảng, nói chỉ tại chính sách của Đảng sai mà xảy ra tình trạng như vậy. Đoạn văn sau đây trích từ *Học tập*, cơ quan lý luận và chính trị của Đảng Lao động tỏ rõ thái độ “oán đảng” kể trên:

“Một số đồng chí khác đứng trước sai lầm trong công tác cải cách ruộng đất hiện nay có thái độ oán trách các đồng chí đã chỉ đạo tiến hành công tác đó, thậm chí oán trách cả Đảng, rồi bất cứ ở rạp hát hay ở vườn hoa, trên tàu hoả hay trong hiệu cắt tóc v.v. cũng đem những điều sai lầm đó ra nói một cách vô trách nhiệm. Lại có đồng chí đem gán hết trách nhiệm về những sai lầm đó cho cấp trên. Có đồng chí trước đây đã tham gia công tác cải cách ruộng đất, làm đội trưởng hoặc đoàn, uỷ viên, thế mà khi kiểm thảo sai lầm trước nhân dân thì nói đó là cấp trên thúc ép, do cơ sở (cốt cán) phát hiện tình hình sai (vu khống), còn mình thì chỉ có khuyết điểm “biết sai mà không mạnh dạn đấu tranh”.

(Học tập số 10 tháng 10 năm 1957)

Một điều cần phải nhận rõ là: trong khi cố gắng vỗ về những “đảng viên cũ” bằng cách đền bù cho họ một vài thiệt hại tinh thần hoặc vật chất mà họ đã phải chịu đựng một cách oan uổng, Đảng vẫn cố tình che chở cho các “đảng viên mới”. Lý do là tại chỉ có đảng viên mới, mới thực sự thuộc thành phần vô sản. Đảng thấy cần thiết phải có một số “vô sản chính cống” để trang trí cho cái mà Đảng mệnh danh là “vô sản chuyên chính”. Lý do thứ hai là Đảng muốn có một số “thiên lôi chỉ đầu đánh đậy” để bảo vệ Đảng phòng khi có những phong trào chống Đảng do những phần tử khác gây nên.

Trong ba năm làm mưa làm gió trong xã, thôn, các “đảng viên mới” được mặc sức hà lạm nên dân chúng rất oán ghét. Vì họ thiếu học nên họ chỉ hành động theo những kích thích tự nhiên. Do đó Đảng cho rằng họ là những phần tử dễ chiều và đáng tin hơn những phần tử phi vô sản đã gia nhập Đảng với lý tưởng. Những “đảng viên cũ” đã giúp Đảng rất nhiều nhưng vì họ là những con người “lý tưởng” nên rất có thể mắc phải những “khuyh hướng sai lầm”. Còn bản cố nông thì trái lại không cần lý thuyết mà chỉ biết lợi cho bản thân. Ngày nào mà họ còn quyền lợi thì họ vẫn trung thành với Đảng. Giả thử họ có bất mãn họ cũng không thể tự động gây rối được. Vì vậy nên sau khi khôi phục đảng tịch cho các “đảng viên cũ”, hàng ngũ Đảng gồm 2 nhóm mà sở trường và sở đoản bù đắp cho nhau. Do đó Đảng thấy cần thiết phải bắt hai nhóm đó ký lẫn nhau phải chung sống hoà bình và hợp tác với nhau. Đây cũng là một mục đích của chiến dịch Sửa sai. Trong khi thu phục những đảng viên cũ Đảng cũng ép họ phải công nhận các đảng viên mới là “đồng chí” trong cùng một đảng.

Tuy nhiên, sự thế không quá dễ dàng như vậy vì Đảng đã cố tình gây hận thù giữa hai bên. Mặc dầu Đảng cố gắng hàn gắn, nhưng hố chia rẽ giữa “mới” và “cũ” vẫn mỗi ngày một sâu thêm. Ở những nơi mà trước Cải cách ruộng đất phong trào lên cao bao nhiêu thì chính ở đấy sự đổ vỡ lại to bấy nhiêu. Đây là trường hợp tỉnh Nghệ An, quê hương của ông Hồ Chí Minh và cái “nôi” của cách mạng. Theo cơ quan chính thức của Đảng thì tỉnh Nghệ An là tỉnh đã xảy ra nhiều rắc rối nhất:

“Tỉnh Nghệ An có cơ quan Đảng và quần chúng từ năm 1930. Trong cải cách ruộng đất đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng, nhất là đã kích vào cơ sở Đảng làm cho cán bộ, đảng viên cũng bị xử trí oan... Trong công tác lãnh đạo, tinh uỷ Nghệ An cũng mắc một số khuyết điểm... Có xã bắt những người sai lầm trong cải cách ruộng đất đứng ra cho hội nghị vạch tội (đấu tố). Có xã để xảy ra đánh đập cốt cán trong hội nghị, hoặc đuổi cốt cán ra khỏi hội nghị”.

(Nhân dân ngày 21 tháng 11 năm 1956)

Các uỷ ban và chi bộ xã được thành lập lại, nhưng lần này đến phiên các đảng viên mới bị tổng cổ ra ngoài. Bài báo kể trên có đưa ra những con số như sau về tỉnh Nghệ An.
Tổng số đảng viên được cất nhắc sau Cải cách ruộng đất: 1.839
Tổng số những người kể trên bị đuổi ra khỏi Đảng nhân dịp Sửa sai: 1.162 tức 53%
Tổng số đảng viên mới bị đuổi: 900 tức 76%

Sửa sai quả là một cuộc cách mạng thanh trừng những đảng viên mới ngày trước đã thanh trừng những đảng viên cũ để chiếm chỗ. Vì hai nhóm “mới” và “cũ” bất động đái thiên nên việc sinh hoạt Đảng ngưng hẳn lại. Báo *Thời mới* đã mô tả một cuộc họp đảng như sau:

“Hội nghị như có một cái gì đè nặng. Người ta bó gối ngồi yên. Mấy cô nữ thanh niên ngả đầu vào nhau coi bộ mệt mỏi lắm. Gian bên kia, anh Sử giơ cao con dao díp ra cắt móng tay, cạo lạo xạo. Chủ toạ giục phát biểu như kêu gào nằn nì, lẽ tẻ mới có vài anh thanh niên lên tiếng. Trong xó tối, mấy bóng đen nằm co ro ngủ khoèo từ bao giờ, tiếng ngáy đều đều chốc chốc lại rít lên như có điều gì giận dữ”.
(Thời mới ngày 9/5/1957)

Cuộc họp Đảng mà tờ Thời mới tả cảnh ở trên tất nhiên đã xảy ra trong một xã mà sự xung đột giữa hai nhóm đảng viên chưa đến nỗi dữ dội lắm vì cả hai phe dù thờ ơ lạnh lùng hã còn nghe lời hiệu triệu của Đảng, đến dự buổi họp. Ở nhiều xã khác tình trạng căng thẳng bội phần và không tránh khỏi những vụ xung đột đổ máu. Tuy cả hai phải bắt buộc phải tụ họp chung để chào cờ “búa liềm” nhưng đôi bên đều coi nhau như thù nghịch. Trong một loạt bài nhan đề “Sau những ngày sóng gió” phóng viên Xuân Chi của báo Thời mới đã tả cảnh một buổi họp đảng như sau:

“Tặng (một đảng viên mới bị bọn “cũ” đánh vỡ đầu mới ở bệnh viện về) ngồi bó gối, dựa lưng vào một góc tường, trên đầu choàng một chiếc khăn vuông đen còn để lộ ra một mảng băng trắng... Phía bên kia là Lân, Kiệt, Tồn và một số anh em đảng viên cũ... Mấy đồng chí phụ nữ ngồi xúm sụm riêng một góc, chuyện trò nhí nháu, chốc chốc lại bảo nhau cười rúc rích. Tuy nhiên, những tiếng rì rào bàn tán những hồi cười lạc lõng, không phá nổi bầu không khí ghê lạnh, nửa như ngờ vực, sượng sùng. Người ta bước chân vào phòng họp với bộ mặt ngờ ngác, đôi mắt lơ lảo điếm qua một lượt, rồi ngạp ngừng dẫn đo kiếm một chỗ ngồi. Những người hôm qua còn coi nhau như thù địch, đối đáp nhau bằng búa đan và gạch củ đậu, hôm nay diện đối diện, dưới lá cờ búa liềm. Có lẽ từ hồi giảm tô đến nay, lần này là lần đầu tiên họ mới sực nhớ ra là họ là “đồng chí”. Lần đầu tiên, họ cùng một nhịp giơ cánh tay trái lên chào lá cờ đảng, lá cờ mà mọi người đều muốn giành giật về phe mình, cho riêng mình”.
(Tập phóng sự Sau những ngày sóng gió đăng trong báo Thời mới xuất bản ở Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 19 tháng 04 năm 1957)

Việc Đảng không kiểm soát nổi các đảng viên đã mang lại hậu quả: chính sách của Đảng bị dân chúng gác bỏ và tại một vài nơi xảy ra những vụ khởi loạn. Nhiều nông dân tự ý mang ruộng đất được chia trong hồi Cải cách ruộng đất trả lại cho chủ cũ, không đếm xỉa gì đến đường lối chủ trương của Đảng. Tuy nhiên điểm quan trọng hơn cả là lòng căm thù mà bấy lâu Đảng đã cố gây nên giữa người giàu và người nghèo đột nhiên biến mất. Địa chủ và tá điền lại đề huề trở lại và tình nghĩa “người làng người nước”, một đặc điểm của xã hội Việt Nam bỗng dưng được khôi phục. Tờ Thời mới đã tả quang cảnh “vui vẻ cả làng” bằng một câu như sau:

“Anh bạn tôi được chứng kiến một đám tổ tôm, trong đó địa chủ và nông dân kẻ đui kẻ vai vẻ rất là “thân ái”. Khi bốc được cây chi chi, địa chủ vỗ vào đùi nông dân và xít xa: “Chạm một ly ông cụ nữa thì phải biết!”. Đây là một thôn khi cán bộ Sửa sai mới về. Mỗi bàn tổ tôm hay chắn, bắt hoặc xóc đĩa, đều kèm theo những sinh mạng như lợn, gà, chó. Và không riêng những người trong cuộc thức thâu đêm. Những người bán hàng quà, món nhắm, cũng phải “phục vụ” rất khuya”.
(Bài “Chi Chi nhẩy” trong báo Thời mới ngày 12/5/1957)

Ở nhiều làng giàu và nghèo chén thù chén tạc với nhau, đình ninh rằng tất cả mọi sai lầm sẽ được sửa chữa và rồi đây làng xóm sẽ được yên vui như xưa. Nhưng đây không phải là ý muốn của Đảng. Đảng chủ trương sửa chữa một số sai lầm nhất định trong khi vẫn duy trì sự nghi kỵ và mối hận thù giữa các thành phần xã hội. Đồng thời Đảng cũng chủ trương bảo vệ uy quyền cho nhóm đảng viên mới.

Vì thấy Đảng tuyên bố “Sửa sai” mà không hề “sửa” những sai lầm căn bản, nên tại nhiều nơi, dân chúng thất vọng, trở nên công phẫn và nổi loạn thực sự. Có tin tại nhiều nơi (Bắc Ninh, Nam Định, v.v.) dân chúng nổi dậy, nhưng theo nguồn tin chính thức của Đảng thì “nhờ có sự khéo léo của quân đội nên đã tránh được nhiều vụ nghiêm trọng”. “Sự khéo léo của quân đội” có nghĩa là trong mỗi nhà nông dân có ba người lính đến ở nhờ. Nhưng tháng 11/1956, báo chí của Đảng cũng phải công nhận ở huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An có một cuộc võ trang khởi nghĩa. Cách đây ít lâu, một số người trong nhóm khởi nghĩa thất bại trốn thoát bằng thuyền vào Nam đã kể lại cho báo chí biết rõ chi tiết của vụ Quỳnh Lưu. Họ nói chừng hai chục ngàn nông dân chỉ có gậy gộc đã chống chọi với một sư đoàn quân lính chính quy.

Sự thực thì ở dưới chế độ cộng sản không thể có một cuộc nổi loạn nào có cơ thành công được. Chỉ một chi tiết sau đây cũng đủ chứng tỏ điều đó. Sau Cải cách ruộng đất tất cả thợ rèn mà ngày trước vẫn lưu động từ làng nọ sang làng kia sửa chữa dụng cụ cho nông dân, bây giờ phải hợp thành hợp tác xã, định cư ở một nơi và sản xuất nông cụ dưới sự kiểm soát của mật dịch. Chính phủ đã kiểm soát tất cả những sản phẩm do họ chế tạo, từ con dao nhíp trở đi. Trong hoàn cảnh ấy, họ không thể nào rèn được giáo mác cho bất cứ ai. Những người thợ rèn, hồi trước rèn giáo mác cho cộng sản, ngày nay lại bị ngăn cấm không cho rèn giáo mác cho kẻ khác hồng chống lại cộng sản. Vì thành thạo về vấn đề nổi loạn nên cộng sản cũng biết cách để đề phòng kẻ khác mưu toan lật đổ thể lực của mình.

Trí thức nổi loạn

Trong khi nông dân nổi dậy đánh nhau với cán bộ và quân đội nhân dân thì trí thức ở thành thị cũng không ngồi yên. Bằng bài vở, báo chí kịch liệt đả kích các lãnh tụ Đảng và một điều rất không ngờ, cuộc chống đối của trí thức đã gây nên nhiều ảnh hưởng sâu rộng hơn những cuộc bạo động của nông dân. Mặc dù thắng lợi của họ chỉ nhất thời, thành tích của họ không bao giờ phai nhạt trong trí óc dân chúng Việt Nam. Tất cả những trí thức tham dự cuộc chống đối này đều là những người đã từng tham gia kháng chiến và mới ở chiến khu về, trước đây một hai năm. Không ai không biết những gian khổ họ đã can đảm chịu đựng trong chín năm kháng chiến. Sống lâu năm trong rừng sâu, không mấy người thoát khỏi bệnh sốt rét rừng, bệnh kiết lỵ và nhiều bệnh khác. Không có thuốc men, những chứng bệnh của họ đều trở thành kinh niên. Lương lậu không có, chỉ có “sinh hoạt phí” tương đương với vài chục ký gạo nuôi cả gia đình, họ chỉ sống bằng khoai sắn và măng tươi hái trong rừng chấm muối vừng. Phần lớn trí thức đều ủng hộ chính quyền Việt Minh, tức là phản lại bản thân. Họ cảm thấy dưới chế độ Việt Minh, do cộng sản lãnh đạo, họ không thể có tương lai sáng sủa, nhất là sau khi cố vấn Trung Quốc “vĩ đại” được phái sang. Họ càng nhận rõ số phận của họ, sau Cải cách ruộng đất khi Đảng chỉ hoàn toàn tín nhiệm bản cổ nông. Nhiều người đã tự ví mình là “hầu non của chế độ” ý nói Đảng chỉ ưa nhan sắc của mình rồi giờ trở “chim chuột” mà không thực tình gắn bó. Ngôi “chính thất” Đảng đã để dành cho “công nông”, trí thức chỉ là “lẽ mọn”. Sự đau lòng của “kẻ đắp chặn bông, kẻ lạnh lòng” đã được luật sư Nguyễn Mạnh Tường diễn tả như sau:

Các anh em trí thức kháng chiến thường phàn nàn rằng đảng thiếu tín nhiệm họ. Họ đau khổ mà nhận thấy rằng mặc dầu họ đã trải qua nhiều thử thách, chịu đựng bao nhiêu hy sinh, trải qua bao nhiêu gian nguy, đảng vẫn chưa tin ở họ. Nào họ có yêu sách gì quá đáng đâu? Họ có đòi làm bộ trưởng hay đại sứ đâu? Không, đại đa số các anh em trí thức nói chung không mơ ước các địa vị, công tác lộng lẫy đâu, họ vui lòng nhường cho các nhà chính trị, các đảng viên. Họ chỉ tha thiết đòi hỏi được mang khả năng chuyên môn và kinh nghiệm của họ ra phục vụ nhân dân mà thôi. Họ chỉ thiết tha mong muốn được bảo toàn danh dự trí thức của họ và cái tự do dân tư tưởng mà họ quan niệm là cần thiết cho nhân phẩm của người trí thức mà thôi.

(Trích bài diễn văn của luật sư Nguyễn Mạnh Tường)

Cụ Phan Khôi, một nhà văn lão thành đã diễn tả tâm sự của người trí thức bằng một thể khác. Cụ bày ra cách vừa uống cà phê vừa nhai kẹo bột (trong chiến khu không có đường trắng) và cụ giải thích tại sao lại phải vừa uống vừa nhai như vậy. Cụ nói: “Cái ngọt của kẹo tượng trưng cho lòng yêu nước. Nó đánh tan cái đắng của cà phê mà chúng ta có thể ví với cái lãnh đạo của Đảng. Như vậy, chúng ta có thể hưởng ứng được cái thơm của cà phê ví như cái danh dự của người trí thức.”

Trong vô số những khổ cực mà người trí thức phải chịu đựng, có một thứ khó chịu nhất là thái độ hống hách của đảng viên. Một thi sĩ vô danh đã tả thái độ đó như sau:
Ông “vỗ ngực”

Học thuật văn chương chữa sạch nghề,
Tập toè lên lớp cũng khen chê.
Giáo điều khó nuốt lên thô bạo,
Tình cảm không tiểu kéo nặng nề.
Tình cảm khô khan như củi gộc,
Phê bình nồng nặc tựa cơm khê.
Anh em vận lại cùng kỳ lý,
Vỗ ngực, ông giờ đảng chực loè

(Báo Văn số 24 xuất bản ở Hà Nội ngày 10-10-1957)

Thái độ ức hiếp tinh thần kể trên, cùng nhiều thể thức ức hiếp khác gây nên một cảm giác khiếp đảm trong tâm hồn người tri thức. Nhà văn Trần Lê Văn (cháu cụ Tú Xương) đã diễn tả cơn “ác mộng” của ông như sau, trong một bài nhan đề “Bức thư gửi một người bạn cũ” (một cán bộ cộng sản cùng làm việc trong cơ quan):

“... Có đêm tôi mê thấy hai cánh tay gầy guộc của anh, móng nhọn, nắm cổ tôi lôi xuống hầm tối om, đẩy nắp lại. Có hôm anh lại hoá ra con quạ đen quặp tôi như con đại bàng quắp nàng công chúa trong chuyện cổ tích. Tôi thường kêu ú ớ, hoặc nghiêng rặng trong những giấc ngủ mê kinh hãi đó”.

(Trần Lê Văn, trong “Bức thư gửi một người bạn cũ”,
Giai phẩm mùa Thu tập 1, tháng 10, 1956)

Một lý do thứ hai khiến trí thức Bắc Việt nổi dậy chống lại chế độ là sự sa đoạ của họ cả về tinh thần lẫn vật chất. Đoạn văn sau đây, trích trong bản *Đề án* của thi sĩ Hoàng Huế gửi Đại hội văn nghệ toàn quốc, năm 1956, đã nói lên tình hình khốn khổ về sinh hoạt vật chất của đa số văn nghệ sĩ ở chiến khu trở về Hà Nội:

“Ai cũng biết rằng đời sống của chúng ta thiếu thốn quá. Đây là một sự thật buồn bã vẫn hàng ngày đập vào mắt chúng ta làm cho những kẻ đơn giản nhất cũng phải suy nghĩ. Chúng ta không thắc mắc về cảnh sống trong kháng chiến. Nhưng trở về Hà Nội, giữa những phố xá đầy hung lụa (hồi mới tiếp thu), tủ kính và ánh đèn xanh đỏ có lẽ chưa bao giờ người nghệ sĩ cảm thấy cay đắng như lúc này. Cần phải nói thẳng rằng ở một toà soạn báo Văn Nghệ, trong số 8 biên tập viên có vợ thì 6 người đã thất nghiệp hay bán thất nghiệp. Những trang giấy trắng đáng lẽ chi dùng để chép thơ cũng đã bao lần biến thành đơn xin việc. Những lá đơn ấy gửi đi rồi im lặng không nghe một tiếng trả lời.

Sự thật đã có những nhà văn viết đêm, không có một tách cà phê để uống. Đã có những thi sĩ không làm thế nào mà mua được dăm điếu thuốc lá trong cơn nghiện, và đã có một kịch sĩ bán chiếc đồng hồ đeo tay của mình để bồi dưỡng cho viết xong cuốn sách, nhưng in ra không đủ tiền để chuộc chiếc đồng hồ.

Hữu Loan có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh. Nằm trong bóng tối nhỏ ở ngoại ô Hà Nội khi không có tiếng vợ kêu con khóc, Hữu Loan chỉ mơ ước một ngọn đèn dầu để thức mà viết. Văn Ký cũng có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh. Buổi sớm mai không có củ khoai luộc cho con ăn, nghe tiếng con khóc mà đứt ruột”.

(Giai phẩm mùa Thu tập 2, tháng 10, 1956)

Nỗi khổ cực càng khó chịu hơn khi, đồng thời, có một thiểu số giữ chức “cán bộ văn nghệ” ngang nhiên sống một cuộc đời xa hoa, phè phỡn. Cũng trong bản *Đề án* ấy, thi sĩ Hoàng Huế viết:

Họ trịnh trọng thắt cà vạt đỏ, đi giày da vàng, đọc đit cua và nhóm nhoàm ăn tiệc, rồi xách valy bay đó bay đây, trên mây trên gió.

Đời sống vương giả mà thi sĩ Hoàng Huế nói đến trong bản đề án của ông đã được Nguyễn Tuân, một nhà văn hiện giữ chức “cai nghiện” thú nhận sau khi đi dự Hội nghị Hoà bình thế giới ở Helsinki thủ đô Phần Lan về. Nguyễn Tuân khoe khoang như sau:

“Mỗi ngày ăn ba bữa, khẩu phần thừa thãi bỏ béo; nghi thức lúc ăn thực là trang trọng: đồ sứ, pha lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc, những chị đưa món ăn đẹp như rượu rót trong các truyện thần thoại”.

(Trích bài “Phở” của Nguyễn Tuân trong báo Văn số 1, ngày 10-5-1957)

Sự khác biệt giữa hai nhóm “cu li văn nghệ” và “cai văn nghệ” cả về phương diện chính trị lẫn đời sống vật chất đã gây nên nhiều mâu thuẫn đối kháng (theo đúng lý thuyết của Mác) không phải không đối kháng như Mao Trạch Đông đã thuyết trong tập “Dân chủ mới” của ông. Nổi loạn để chống lại tình trạng bất công như vậy chỉ là một vấn đề thời gian, và nó đã xảy ra nhân dịp Nikita Khrushchev phát động phong trào hạ bệ Stalin tại Moscow năm 1956. Bài diễn văn tố cáo tội ác của Stalin gây nên những phản ứng liên tiếp bắt đầu tràn tới Việt Nam một tháng sau. Nhà xuất bản Minh Đức, trước kia vẫn xuất bản những sách báo trí thức của cộng sản ở chiến khu, phát hành ngay tập *Giai Phẩm*, trong đó có bài thơ nhằm đả kích ông Hồ Chí Minh, không trực tiếp đả động đến ông Hồ, mà chỉ nói vớ vẩn về cái bình vôi, Lê Đạt, tác giả bài thơ, viết như sau:

*Nhưng người sống lâu trăm tuổi,
Y như một cái bình vôi.
Càng sống càng tòi,
Càng sống càng bé lại.*

Sự thực thì vôi đóng dần, nên ruột bình vôi càng bé lại, mỗi cái bình vôi cũng dùng được hàng tháng. Sự mấy câu thơ vớ vẩn của Lê Đạt không được mấy người để ý và tìm hiểu thâm ý của tác giả, cụ Phan Khôi bèn viết tiếp một nhan đề “Ông bình vôi” đăng trong *Giai phẩm mùa thu* tập 1 để cắt nghĩa rõ hơn. Cụ giải thích tại sao bình vôi cứ đặc ruột dần dần, tại sao dân chúng lại gọi bằng “ông”. Cụ nói: “Người Việt Nam, về sau thế nào chưa biết, chứ về trước, hễ vật gì làm hại được hoặc lớn hoặc nhỏ, vật gì sống lâu to xác thì gọi bằng “ông” để tỏ lòng tôn kính sùng bái” và cụ Phan kết luận:

“Tóm lại, cái bình vôi, vì nó sống lâu ngày, lòng nó đặc cứng, miệng nó bịt lại, ngồi củ rữ trên tràng hoặc trên tường thành, cũng như pho tượng đất hoặc gỗ không nói năng, không nhúc nhích, thì người ta tôn thờ sùng bái mà gọi bằng “Ông”.

Cụ Phan Khôi có ý giải thích cho độc giả biết rằng mấy câu thơ của Lê Đạt nhằm đả kích tinh thần “sùng bái cá nhân”, và nhiều người hiểu ngay rằng Lê Đạt và cụ Phan mượn “ông bình vôi” để mà chỉ “Cụ Hồ”, vì như mọi người trông thấy, ông Hồ đã già, và trở về già, ông không còn ái quốc như hồi còn trẻ. Lòng yêu nước của ông cứ mỗi ngày “bé lại”. Ngày xưa ông tự xưng là Nguyễn Ái Quốc mà ngày nay ông chỉ lo phục vụ các “nước đàn anh”, không nghĩ gì đến đồng bào nữa.

Đảng cũng hiểu thâm ý của bài thơ nên tịch thu tập *Giai phẩm* và kiếm cơ bỏ tù một nhà văn trong nhóm, thi sĩ Trần Dần. Hồi ấy (tháng 3-1956) các lãnh tụ Bắc Việt ngần ngại không dám hưởng ứng phong trào hạ bệ Stalin phát xuất từ Moscow. Lý do là tại chiến dịch Cải cách ruộng đất đang dở dang, nên không dám nổi tay trước khi hoàn thành chiến dịch. Đảng thấy cần thiết phải tiếp tục duy trì chính sách khủng bố trong ít tháng nữa. Vì vậy nên mãi đến tháng Tám năm ấy báo chí của Đảng mới chính thức đề cập đến vấn đề “chống sùng bái cá nhân”. Nhưng trước đấy, công nhân Ba Lan đã nổi loạn ở Pozna (28 tháng 6, 1956) và Mao Trạch Đông đã phát động phong trào “Trăm hoa đua nở”. Hai việc sau đây đã khiến tình hình Bắc Việt thêm căng thẳng bội phần. Nên chi, khi Đảng Lao động phát động chiến dịch Sửa sai, năm tháng sau khi Khrushchev đã hạ bệ Stalin giới trí thức Bắc Việt đã căm phẫn đến cực điểm và sẵn sàng mở rộng cuộc tổng tấn công chống lại chế độ.

Giai phẩm mùa Thu tái bản, và trong số ra ngày 29 tháng 8, 1956 đăng một bài thơ của Hữu Loan nhan đề “Cũng những thằng nịnh hót” kết thúc bằng mấy câu như sau:

*Những người đã đánh bại xâm lăng,
Đỏ bưng mặt vì những tên quốc xỉ
Ngay giữa thời nô lệ,
Là người, chúng ta
không ai biết
cúi đầu.*

Tiếng gọi của Hữu Loan được nhiều người đáp lại. Lập tức tất cả các văn nghệ sĩ có tài, cả già lẫn trẻ, cả đảng viên lẫn “quần chúng” tham gia cuộc đấu tranh. Một tuần sau tờ *Nhân văn* ra đời làm cơ quan phát ngôn cho giới độc lập. Điều đáng chú ý là chủ bút tờ báo lại là Nguyễn Hữu Đang một đảng viên làm bộ trưởng Bộ Văn hoá hồi Việt Minh mới cướp chính quyền. Những người viết bài đả kích hăng nhất cũng lại là những văn sĩ trẻ tuổi có chân trong Đảng. Tuy nhiên, kiện tướng trong cuộc đấu tranh vẫn là cụ Phan Khôi, một nhà văn

lão thành hồi ấy đã ngoài bảy mươi. Là cháu ngoại cụ Hoàng Diệu, ông “Tú Khôi” đã tham gia phong trào Văn thân năm 1907. Tới năm 1957 Phan Khôi là nhà nho có danh tiếng còn sống sót, vì trong chiến dịch Cải cách ruộng đất hầu hết các nhà nho ở Bắc Việt đã bị quy là địa chủ và thủ tiêu. Có thể nói trong phong trào “Trăm hoa đua nở”, cụ Phan đại diện cho cả một thế hệ, cho hệ thống tư tưởng Nho giáo, đơn thương độc mã chống chọi với ý thức hệ Mác-xít và chế độ cộng sản.

Bốn mươi năm trong nghề viết báo, cụ Phan đã nổi tiếng về bút chiến. Bắt đầu, cụ dùng lời văn đanh thép của cụ đã kích “lãnh đạo văn nghệ” và cùng nhiều cây bút trẻ, tố cáo Đảng là bè phái, tham ô, áp bức văn nghệ, thủ tiêu tự do của văn nghệ sĩ, “cả vú lấp miệng em”, v.v. Họ cũng nghi ngờ sự thành thật của giới lãnh đạo và mang cả giáo điều Mác-xít ra chế nhạo. Sinh viên Hà Nội cũng tham gia đấu tranh. Trong tập *Đất mới* họ xuất bản, họ tố cáo Đảng độc quyền các nữ sinh tiểu tư sản. Nhóm văn nghệ sĩ chống đối sử dụng mọi thể văn để đấu tranh, thơ, truyện ngắn, kịch, truyện giả tưởng và xã luận. Cuối cùng, ông Nguyễn Mạnh Tường, đại diện cho trí thức, đọc trước Hội nghị Mặt trận tổ quốc họp tại Hà Nội ngày 30 tháng 10, 1956, một bài diễn văn kịch liệt lên án toàn thể chế độ.

Nhờ những văn kiện này mà thế giới bên ngoài hiểu rõ nội tình cộng sản Bắc Việt. Đây cũng là những tác phẩm xứng đáng với danh từ “Trăm hoa”. So với những “đóa hoa” khác đồng thời cũng nở ở các nước cộng sản khác vườn hoa Việt Nam có phần tươi thắm hơn nhiều. Sở dĩ các văn nghệ sĩ Việt Nam đã đạt tới một trình độ nghệ thuật cao, có lẽ là tại họ đã hấp thụ được hai nền văn chương phong phú của Tàu và Pháp, trong khi vẫn giữ được tinh thần hài hước, dí dỏm, một đặc tính của văn chương Việt. Một mặt khác vì đã học tập lý thuyết trong suốt mười năm và thường xuyên thảo luận chính trị nên họ sẵn có những lý luận sắc bén để tranh biện với phe “bệnh đảng”. Trương Tửu là một trường hợp đặc biệt. Ông đã kích chính sách cộng sản trong một loại bài đăng trong *Tạp chí Văn học*, trong đó ông trích rất nhiều lời của Mác và Lênin, nhưng ông không chú thích là trích ở tài liệu, tác phẩm nào. Vì không có chú thích các chuyên viên của Đảng lao động cũng không biết Trương Tửu đã trích ở đâu, thực hay bịa, nên không dám tranh luận. Sau cùng Đảng phải dịch tất cả loạt bài của Trương Tửu sang tiếng Nga rồi gửi sang Moscou nhờ tra cứu và thảo bài trả lời. Mãi ba tháng sau, có bài từ Nga gửi sang, Đảng Lao động mới trả lời Trương Tửu.

Trong phạm vi cuốn sách nhỏ này, chúng tôi rất tiếc không thể trình bày tất cả các tác phẩm của giới văn nghệ Bắc Việt trong phong trào Trăm hoa, nhưng chúng tôi xin nhắc bạn đọc là phần lớn những tác phẩm này đã được in trong cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* xuất bản ở Sài Gòn năm 1959. Vì sách đã xuất bản lâu ngày và hiện nay khó kiếm, chúng tôi xin giới thiệu qua loa một vài tác phẩm có giá trị nhất.

“*Những người không lỗi*” của Trần Duy, một truyện thần thoại do tác giả sáng tác kể chuyện Ngọc Hoàng sai nặn một lũ khổng lồ đưa xuống hạ giới giúp nhân loại, nhưng vì thiếu vật liệu nên vị thiên thần phụ trách không nặn quả tim cho lũ người này. Vì thiếu tim, đoàn khổng lồ xuống hạ giới giúp người thì ít mà giày xéo lên người thì nhiều, gây tang tóc khắp mọi nơi, còn nhiều hơn ma quỷ. Tác giả mượn câu chuyện để tố cáo việc cán bộ cộng sản sát hại vô vàn lương dân trong chiến dịch Cải cách ruộng đất vừa qua. Trong truyện, Ngọc Hoàng tức là Các Mác và Những người khổng lồ tức là đảng viên Đảng Lao động
(Trần Duy, *Giai phẩm mùa Thu* tập 2, tháng 10, 1956).

“*Thi sĩ máy*” của Như Mai. Theo kiểu George Orwell trong cuốn 1984, tác giả mượn tượng và tả một khía cạnh của xã hội cộng sản tương lai. Tác giả kể truyện, vì muốn thay thế các thi sĩ khó rắn khó bảo, cộng sản chế tạo một chiếc máy, hễ bấm nút, có thể sản xuất ngay được 8.000 câu thơ trong một giây. Bài thơ nào cũng, đại để bắt đầu bằng “Thời đại tươi vui đẹp nắng vàng”, rồi đến “Rập rờn cờ đỏ trống khua vang” và kết thúc: “Bao tay lao động xây tươi đẹp phần khởi nông trường tiên tiến hăng!”
(Như Mai, *Nhân văn* số 5, Hà Nội, 30 tháng 11, 1956).

“*Tôi tìm em*”, thơ của Tạ Hữu Thiện. Nhà thơ muốn lấy vợ nhưng sau khi điếm các cô gái thuộc mọi thành phần, tỏ ý tiếc không thể lấy cô nào được vì tất cả đều không còn biết yêu, biết ghét... (vì ảnh hưởng của giáo lý Mác-xít)

(Tạ Hữu Thiện, *Trăm hoa*, Hà Nội, 6 tháng 1, 1957).

“*Con ngựa già của Chúa Trịnh*”, truyện ngắn của Phùng Cung. Chuyện một con ngựa đua bị đưa vào phủ chúa kéo xe cho bà chúa, lấy làm hãnh diện với đồng loại, nhưng vì được ăn nhiều mà thiếu luyện tập nên khi

dự thi, bị thua cuộc và tức đứt ruột chết. Tác giả mượn câu chuyện để mỉa mai mấy ông “cán bộ văn nghệ”, ăn trên ngồi chốc, lâu ngày không có sáng tác nên trở thành “đồ bỏ”, mất hết tài năng
(Phùng Cung, *Nhân văn* số 4, Hà Nội, 5 tháng 11, 1956).

Trong ba tháng tương đối có tự do ngôn luận, cộng sản bị đả kích theo đúng kiểu, hai trăm năm trước, Voltaire đả kích giáo hội La Mã. Trong thời kỳ đầu, chính quyền cộng sản lúng túng, do dự, không biết nên đàn áp hay nới tay, vì họ hiểu rằng nếu nới tay làm ngơ thì chẳng bao lâu toàn thể chế độ sẽ bị sụp đổ, nhưng nếu thẳng tay đàn áp thì lại sợ trái tinh thần Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô. Nhưng sau Khrushchev thẳng tay đàn áp cuộc nổi loạn ở Hungari tháng 10, 1956, các lãnh tụ Bắc Việt mới vững tâm trở lại, và thấy rõ đường đi: họ thẳng tay đàn áp cuộc nông dân bạo động ở Quỳnh Lưu và cuộc trí thức nổi loạn ở Hà Nội. Những cuộc công nhân chống đối cũng chung một số phận.

Cuộc chiến đấu giữa Đảng và phe đối lập có thể chia làm ba giai đoạn, mỗi giai đoạn lâu chừng một tháng. Trong giai đoạn đầu, phe đối lập chỉ đả kích “những thằng nịnh hót”, những “cán bộ văn nghệ”, tố cáo những tệ hại như bè phái, tham nhũng và nhiều thói hư tật xấu khác của chế độ. Trong thời kỳ này Đảng làm ngơ, không khùng bố. Trái lại, một vài tờ báo của Đảng cũng hòa nhịp với phe đối lập tố cáo một vài sai lầm, nhưng đều đổ lỗi cho cán bộ và công chức cấp dưới.

Sang giai đoạn thứ nhì, phe đối lập đả kích một số lãnh tụ. Lần này Đảng chống trả bằng một loạt bài do một số trí thức thân Đảng sản xuất, nhưng lẽ dĩ nhiên, họ lý luận một cách yếu ớt, không thuyết phục được một ai. Một giáo sư đại học, ông Hoàng Xuân Nhị, viết một bài bênh vực lập trường của Đảng, dựa vào quan điểm của Lê-nin về văn nghệ, nhưng giáo sư Hoàng Xuân Nhị bị chính ngay một học trò của ông, tên là Bùi Quang Đoài, làm cho đại bại. Bùi Quang Đoài lật ngược tất cả những luận điệu của ông Nhị và cũng trích dẫn Lê-nin để chứng minh rằng “tự do sáng kiến và tự do tư tưởng”, theo ông thủy tổ của chủ nghĩa cộng sản, “tuyệt đối cần thiết phải được bảo đảm”. Sau đó Bùi Quang Đoài phê bình ông Nhị: “...một là ông Nhị không tiêu hoá được tài liệu (của Lê-nin) hai là ông Nhị đã lợi dụng tài liệu một cách xuyên tạc. Nó không đúng với tinh thần trung thực của người trí thức... Tôi xin đề nghị với ông Nhị một điều: Cố gắng nghiên cứu, suy nghĩ, để giữ bản chất trung thực của người trí thức”¹. Hoàng Xuân Nhị im bặt và Đảng bỏ cuộc, vì các cán bộ Đảng không đủ sức tiếp tục cuộc bút chiến.

Sang giai đoạn thứ ba, phe đối lập đả kích toàn bộ chính sách của Đảng, nhưng Đảng dùng thủ đoạn để khùng bố ngấm ngầm. Đảng ra lệnh không bán giấy cho mấy tờ báo đối lập, phái công an cảnh sát đi dọa nạt các hiệu sách bán báo đối lập và sau cùng ra lệnh cho công nhân nhà in đình công không in báo *Nhân văn*. Nhưng trong khoảng thời gian ba tháng, sự phẫn uất của nhân dân đã lên tới cao độ. Những người Nam tập kết ra Bắc phá bớt cảnh sát Cầu Gỗ và sinh viên miền Nam tập trung ở làng Mộc nổi loạn, rào đường từ Hà Nội đi Hà Đông. Khi tờ *Nhân văn* số 6 sắp xuất bản, trong đó có bài kêu gọi nhân dân xuống đường biểu tình chống lại chế độ, Đảng ra lệnh đóng cửa tờ báo và bắt mấy người cầm đầu. Phe đối lập bị bùng mồm bịt miệng, và những người “đầu sỏ” bị quy là Việt gian phá hoại. Đảng tổ chức ngay một chiến dịch “Cải tạo tư tưởng” và tiếp theo là một phong trào “Học tập lao động”.

Trên nguyên tắc thì tất cả trí thức, bất luận là chống Đảng hay thân Đảng đều phải học tập lao động, hoặc ở xưởng máy, hoặc ở đồng ruộng. Nhưng thực tế thì những trí thức thân Đảng được gửi tới mấy xưởng máy ở Hà Nội, Nam Định, hoặc Hải phòng, tiếp tục hưởng đầy đủ tiện nghi. Phe trí thức đối lập thì trái lại bị đưa lên miền thượng du, lam sơn chướng khí học tập lao động dưới sự chỉ bảo và kiểm soát của cán bộ dân tộc thiểu số. Kết quả là phần đông những trí thức đã sống tám chín năm trong rừng để tham gia kháng chiến chống Pháp, lần này, chỉ cách có hai năm, lại trở về chốn cũ. Có một điểm khác là trong thời gian kháng chiến, họ được dân địa phương quý trọng và giúp đỡ, còn lần này trái lại họ bị coi là một thứ tù chính trị. Hai năm trước, họ là chiến sĩ cách mạng. Bây giờ họ là Việt gian phản động. Dân thiểu số miền Việt Bắc đã theo Việt Minh từ ngày chống Nhật. Họ đã bị cộng sản tuyên truyền liên tiếp trong nhiều năm, và vì chân thật ngây thơ, nên họ dễ nghe theo luận điệu tuyên truyền hơn dân chúng miền xuôi. (Điều đáng chú ý là đội vệ sĩ bảo vệ ông Hồ gồm toàn lính người Mán). Đưa trí thức đối lập lên mạn ngược, Đảng yên trí về hai điểm. Một là họ không trốn và hai là họ không hy vọng tuyên truyền dân địa phương theo họ chống Đảng, vì phần lớn dân chúng miền này không nói tiếng Việt. Một người trong bọn, thi sĩ Yến Lan gửi thư về báo *Văn học*, trong thư có một đoạn như sau:

“... Lúc mới về, hỏi ra tình hình sinh hoạt, thấy thừa người lớn, vắng trẻ con (ở đây đẻ nhiều nhưng nuôi được ít), nhiều người chân phồng ra như chân voi...”

(Báo Văn học số 9, ngày 15-8-1958)

Trong một bức thư khác cũng gửi cho báo Văn học, Hoàng Chương một cán bộ văn công (công tác văn nghệ) khu V tập kết ra Bắc tả cảnh “cưỡng bách lao động” như sau:

“... Từ nhà đến Đồng Cống (nơi làm việc) xa chừng ba cây số. Chúng tôi dậy thật sớm tranh thủ gánh phân để tránh bớt nắng mưa. Tôi nhớ năm nào tiếp tế bộ đội ở chiến trường, gánh lúa bốn mươi cân leo dốc, nhờ vui và thích mau gặp bộ đội nên quên mệt (2). Cô Thu, người Hà Nội trước chưa quen gánh, hôm nay cũng cố được hai mươi cân. Nhìn Hùng cõng trên gánh thoăn thoắt ai biết đó là một sinh viên Hà Nội...”

(Cùng số Văn học)

Nhiều người trong nhóm trí thức đối lập không thấy trở về Hà Nội và cũng không có tin tức gì hết. Một số ít được trở về với gia đình, nhưng phải là công tác khác, không được dạy học và sáng tác văn nghệ. Từ đây về sau, Đảng Lao động chính đốn lại Hội Văn nghệ liên tiếp đến mấy lần, để đạt tới tình trạng cuối cùng là những báo chí của Đảng không còn mấy may tính chất văn nghệ. Hiện nay, báo chí xuất bản ở Hà Nội thường gồm có hai phần: phần thứ nhất là những bài vở nhạt nhẽo do cán bộ Đảng viết, và phần thứ hai là phiên dịch truyện dài, truyện ngắn của các nước cộng sản khác.

(1) Bùi Quang Đoài, “Chủ nghĩa nhân văn của ông Hoàng Xuân Nhị”, *Nhân văn* số 4, ngày 5-11-1956.

(2) Ý nói bây giờ gánh ít hơn, nhưng vì đau khổ nên thấy cực nhọc hơn nhiều.